

Bản án số: **66/2026/HS-PT**
Ngày: 12-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Thuấn**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Trâm Anh**

Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Trang Minh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2026/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo **Trần Văn K**, **Nguyễn Hữu P**, **Trần Tấn T** và **Võ Văn L**, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2026/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Văn K**, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1999 tại **A, Kiên Giang (nay là A, An Giang)**; CCCD 091099007697; Nơi cư trú: **ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang**; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn phổ thông: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông **Trần Văn G** và bà **Nguyễn Thị T1**; Vợ **Trần Thị Quế A** và có 02 người con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 01/12/2023, trả tự do ngày 02/12/2023; bị bắt tạm giam ngày 12/12/2023, đến ngày 02/4/2024 cho bảo lãnh, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

2. **Nguyễn Hữu P**, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2002 tại **A, Kiên Giang (nay là A, An Giang)**; CCCD 091202001748; Nơi cư trú: **ấp X, xã T, tỉnh An Giang**; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn phổ thông: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông **Nguyễn Văn V** và bà **Nguyễn Thị T2**; Vợ **Nguyễn Thị Thúy Q** và có 01 người con sinh năm 2024; Tiền án: Ngày 26/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng tại Bản án số 38/2021/HS-ST; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày

01/12/2023, trả tự do ngày 02/12/2023; bị bắt tạm giam ngày 12/12/2023 đến ngày 25/3/2024 cho bảo lãnh, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

3. **Trần Tấn T**, sinh ngày 23 tháng 4 năm 1997 tại **xã T, Kiên Giang** (nay là **T, An Giang**); CCCD 091097009865; Nơi cư trú: **ấp X, xã T, tỉnh An Giang**; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ học vấn phổ thông: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông **Trần Hải Đ** và bà **Phạm Thị L1**; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

4. **Võ Văn L**, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2001, tại **xã T, Kiên Giang** (nay là **T, An Giang**); CCCD 091201011788; Nơi cư trú: **ấp X, xã T, tỉnh An Giang**; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn phổ thông: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông **Võ Văn B** và bà **Huỳnh Thị M**; **V1** là **Ngô Thị B1** và có 01 người con sinh năm 2025; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo **Trần Tấn T**: Luật sư **Trần Quang Á** - Văn phòng **L3** thuộc **đoàn Luật sư tỉnh A**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 01/12/2023, **Công an huyện A**, tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) tiến hành kiểm tra tại hộ kinh doanh karaoke, ăn uống, **nhà nghỉ K1** ở **ấp G X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang** do ông **Nguyễn Văn C** làm chủ, bắt quả tang các đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát số 1, gồm: **Trần Văn K, Nguyễn Hữu P, Võ Văn L, Trần Tấn T, Trần Văn L2, Trần Văn H**; ngoài ra còn 02 người khác trong phòng là **Nguyễn Thị Tổ N, Nguyễn Như N1** nhưng xác định không có sử dụng ma túy. Tang vật thu giữ gồm: 01 (một) túi nylon đựng chất bột màu trắng nghi là chất ma túy (chất bột màu trắng được thu trên đĩa sứ); 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) được cuộn tròn; 01 (một) đĩa sứ màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM có in nổi chữ “HA HUY KIET”, bị trầy xước, các số không còn nguyên vẹn.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng 18 giờ ngày 01/12/2023, **Trần Văn K** cùng **Nguyễn Hữu P** mượn xe Exciter 150cc của **Trần Tấn T** để đi đám ở **K**, lúc **K** và **P** đang ở đám thì **T** điện thoại rủ **K** và **P** ra Thứ 7, **xã Đ** nhậu, đồng thời **T** còn rủ thêm **H** và **L** ở gần nhà **T** đi theo chơi, do điện thoại của **K** bị hết pin nên **P** hẹn với **T** gặp nhau tại **Cầu T lộ X**, khi gặp mặt gồm có 05 người: **Trần Văn K, Nguyễn Hữu P, Trần Tấn T, Võ Văn L** và **Trần Văn H** rồi cùng nhau đi đến **quán K2** thuê phòng hát, khi đến quán **K** nảy sinh ý định mua ma túy về để sử dụng (để bay lắc) nên gom tiền của **L** và **T** để **K** điện thoại cho

người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố R, Kiên Giang (nay là phường R, An Giang) đem ma túy đến bán cho K để mang vào phòng sử dụng, K gom tiền của T là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng), L 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), K hùn 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng). Khi gom tiền, K có nói cho T và L nghe “gom tiền là để lấy đồ chơi”, T hiểu là lấy ma túy, L cũng hiểu K gom tiền để mua ma túy về sử dụng. Sau khi gom tiền xong K mượn điện thoại của P điện thoại cho người nam ở Rạch G (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua 01 viên ma túy thuốc lắc và 01 bịch ma túy khô với số tiền 2.300.000 đồng và tiền xe 700.000 đồng. Khoảng 60 phút sau có một người tài xế lái xe taxi đến giao ma túy cho K 01 (Một) viên thuốc lắc (MDMA) màu vàng đen, 01 (Một) túi nylon đựng ma túy loại khô (Ketamine) và nhận tiền 3.000.000 đồng, trong đó: tiền ma túy là 2.300.000 đồng và tiền xe là 700.000 đồng. K đem số ma túy nói trên vào phòng rồi bẻ viên thuốc lắc ra làm 05 phần bỏ vào đĩa sứ màu trắng. Sau đó T, L, H, K lấy một phần viên thuốc lắc pha vào nước ngọt coca để uống, phần còn lại K pha sẵn vào nước ngọt coca đưa cho P uống, còn ma túy loại khô thì K bỏ trên bàn trong phòng hát và đổ sẵn vào đĩa sứ màu trắng để trên bàn, P lấy đĩa sứ chứa ma túy và dùng thẻ ATM cả mịn ma túy ra để mọi người cùng sử dụng, K dùng điện thoại của P mở đèn led soi cho P cả ma túy, khi P cả ma túy xong thì P tự kẻ đường ma túy rồi dùng tờ tiền 10.000 đồng cuộn tròn hít ma túy trước, Phước hít xong đưa đĩa ma túy qua cho K, K tự kẻ và hít ma túy, đồng thời K có kẻ sẵn ma túy và đưa qua cho T hít, rồi tới H và L hít. Lúc này, có Trần Văn L2 là bạn của P, Nguyễn Thị Tố N và Nguyễn Như N1 phòng bên qua giao lưu, khi vào phòng L2 có tự lấy ma túy hít còn N và N1 không sử dụng, khi cả nhóm đang sử dụng ma túy đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày thì bị lực lượng công an đến kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang thu giữ số ma túy trên đĩa sứ các đối tượng đang sử dụng còn lại cùng các đồ vật có liên quan.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ các vật chứng sau:

- 01 (một) túi nylon đựng chất bột màu trắng nghi là chất ma túy (chất bột màu trắng được thu trên đĩa sứ).
- 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) được cuộn tròn, không còn giá trị sử dụng.
- 01 (một) đĩa sứ màu trắng đã qua sử dụng.
- 01 (một) thẻ ATM có in nổi chữ “HA HUY KIET”, bị trầy xước, các số không còn nguyên vẹn.

Kết quả trưng cầu giám định:

Tại Kết luận giám định số: 1260/KL-KTHS ngày 08/12/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh K, kết luận: Chất bột màu trắng chứa trong 01 (một) túi nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,5127 gam.

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 40, Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022, của Chính P1.

Tại Kết luận giám định số: 1178/KL-KTHS ngày 03/12/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh A kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 01 (một) tập tin video và 04 (bốn) tập tin ảnh gửi giám định.

Ngày 23/7/2024, Toà án nhân dân huyện An Minh (nay là Toà án nhân dân khu vực 7) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, tuyên phạt bị cáo Trần Văn K và Nguyễn Hữu P mỗi bị cáo 07 năm tù giam theo Bản án số 71/2024/HS-ST ngày 23 tháng 07 năm 2024, sau đó bị cáo Trần Văn K và Nguyễn Hữu P có đơn kháng cáo.

Ngày 15/01/2025, Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Toà án nhân dân tỉnh An Giang) mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, theo Bản án số 08/2025/HS-PT ngày 15 tháng 01 năm 2025 đã tuyên huỷ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát trả Cơ quan điều tra, điều tra lại theo thủ tục chung, lý do: cấp sơ thẩm chưa làm rõ hành vi của T và L là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Kết quả điều tra, xác định: Trần Văn K thừa nhận toàn bộ hành vi, gom tiền của T và L để mua ma túy sử dụng, khi gom tiền thì K có nói cho T và L biết thì T và L đồng ý, sau khi gom tiền K điện thoại cho người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch ở Rạch G,) đem ma túy đến quán cho K, sau khi có ma túy Nguyễn Hữu P thừa nhận hành vi giúp sức cho bị cáo K trong việc chuẩn bị dụng cụ, cà ma túy, xào nấu ma túy và kẻ thành từng đường để cho các bị cáo K, P, T, L và các đối tượng H, L2 sử dụng.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2026/HS-ST, ngày 30 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Hữu P, Trần Tấn T và Võ Văn L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Trần Văn K 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian bị bắt giữ theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang từ ngày 01/12/2023 đến ngày 02/12/2023 và bắt tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến ngày 02/4/2024.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hữu P 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian bị bắt giữ theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang từ ngày 01/12/2023 đến ngày 02/12/2023 và bắt tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến ngày 25/3/2024.

- *Áp dụng:* Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- *Xử phạt bị cáo:* **Trần Tấn T** 07 (bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- *Áp dụng:* Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- *Xử phạt bị cáo:* **Võ Văn L** 07 (bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- *Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hình sự, quyền kháng cáo và biện pháp tư pháp theo luật định.*

- Ngày 07/4/2026, bị cáo **Võ Văn L** có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 08/4/2026, bị cáo **Trần Văn K** và **Nguyễn Hữu P** có đơn kháng cáo nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 09/4/2026, bị cáo **Trần Tấn T** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Văn K** 07 năm tù, bị cáo **Nguyễn Hữu P** 07 năm tù, bị cáo **Trần Tấn T** 07 năm tù và bị cáo **Võ Văn L** 07 năm tù là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa các bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

** Quan điểm bào chữa của Luật sư **Trần Quang Á** bào chữa cho bị cáo **Trần Tấn T**:* Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh

cũng như phần hình phạt. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mới phạm tội lần đầu, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

** Lời nói sau cùng của các bị cáo:* Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 01/12/2023, tại phòng hát số 1 quán K2 ở ấp G X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp G, xã Đ, tỉnh An Giang), bị cáo Trần Văn K, Võ Văn L, Trần Tấn T đã có hành vi hùn tiền mua ma túy (cung cấp ma túy), bị cáo Nguyễn Hữu P có hành vi cà mìn ma túy, chuẩn bị dụng cụ, xào nấu ma túy và kẻ thành từng đường ra để sử dụng cùng Trần Văn K, Võ Văn L, Trần Tấn T và cho Trần Văn H, Trần Văn L2 sử dụng trái phép chất ma túy thì bị công an kiểm tra bắt quả tang thu giữ số vật chứng là các dụng cụ sử dụng ma túy và số ma túy còn lại trên đĩa đang sử dụng, có trọng lượng là 0,5127 gam, loại Ketamine. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và xử phạt các bị cáo Trần Văn K 07 năm tù, bị cáo Nguyễn Hữu P 07 năm tù, bị cáo Trần Tấn T 07 năm tù và bị cáo Võ Văn L 07 năm tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, các bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là mầm mống phát sinh của nhiều loại tội phạm khác, là tác nhân gây hủy hoại đến sức khỏe, tính mạng của con người, hành vi của các bị cáo làm mất trật tự, trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo mức án như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét cho các bị cáo.

Xét về nhân thân bị cáo **Nguyễn Hữu P** có nhân thân xấu. Ngày 26/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng tại Bản án số 38/2021/HS-ST. Lẽ ra khi cấp hành án xong bị cáo phải biết ăn năn hối cải trở thành người công dân tốt sống có ích cho xã hội nhưng bị cáo tiếp tục lao vào con đường phạm tội.

Đối với các bị cáo **P**, **K** các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt được, bởi lẽ trong vụ án này bị cáo **K** là người rủ rê, khởi xướng, chủ động kêu **T**, **L** đưa tiền, trực tiếp gọi điện mua ma túy và nhận ma túy vào cho mọi người sử dụng. Bị cáo **P** có một tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo là có căn cứ.

Đối với các bị cáo **L** và **T** chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo

Các lý do kháng cáo của bị cáo đưa ra không phải là tình tiết giảm nhẹ mới tại Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm bào chữa của Luật sư **Trần Quang Á** bào chữa cho bị cáo **Trần Tấn T** là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Văn K**, **Nguyễn Hữu P**, **Trần Tấn T** và **Võ Văn L**, giữ nguyên bản án sơ số: 27/2026/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

2. *Áp dụng*: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- *Xử phạt bị cáo*: **Trần Văn K 07** (bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian bị bắt giữ theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang từ ngày 01/12/2023 đến ngày 02/12/2023 và bắt tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến ngày 02/4/2024.

- *Áp dụng*: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- *Xử phạt bị cáo*: **Nguyễn Hữu P 07** (bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian bị bắt giữ theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang từ ngày 01/12/2023 đến ngày 02/12/2023 và bắt tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến ngày 25/3/2024.

- *Áp dụng*: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- *Xử phạt bị cáo*: **Trần Tấn T 07** (bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- *Áp dụng*: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- *Xử phạt bị cáo*: **Võ Văn L 07** (bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo **Trần Văn K**, **Nguyễn Hữu P**, **Trần Tấn T** và **Võ Văn L** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 27/2026HSST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại **Tp. HCM** (1);
- VKSND tỉnh AG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh AG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh AG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra KV (1)
- VKS KV (1)
- Tòa án KV (1)
- Thi hành án hình sự KV (1)
- Chi cục thi hành án dân sự KV (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Thuận